

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/DS-PT

Ngày 31-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và tranh chấp tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dừa

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

Ông Huỳnh Đắc Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 150/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ: Số 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Như N, chức vụ: Quyền Giám đốc Phòng giao dịch T - Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

4. Ông Trần Tấn K, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn K: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 673/8, đường L, Khóm 5, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 03/8/2020, có mặt).

5. Ông Lê Văn X, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Tấn K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày: Ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 119/2015/HĐTD/1602-1557 ký ngày 10/4/2015; mục đích vay chăn nuôi heo sinh sản, heo thịt, làm ruộng; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu là 11,43%/năm, hình thức trả lãi 03 tháng 01 lần. Để đảm bảo việc vay trên, hộ ông Trần Văn B đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 119/2015/HĐTC-BDS/1602-1557 ngày 10/4/2015, nội dung là thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 8.360m² thửa số 411, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi đến hạn trả nợ ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X không trả vốn và lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 06/3/2020 là 429.454.375 đồng (trong đó vốn 250.000.000 đồng, lãi 179.454.375 đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ; trường hợp ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X không trả được nợ đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm diện tích đất 8.360m² thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để bảo đảm thi hành án.

Bị đơn ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Vào năm 2015, bà cùng chồng là ông Trần Văn B có cho ông Trần Tấn Đ mượn quyền sử dụng đất diện tích 8.360m² thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ông Trần Tấn Đ tự ghi thêm số tiền 250.000.000 đồng hay như thế nào thì bà không biết. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên hộ gia đình bà có ký tên, riêng ông Trần Tấn K không có ký tên. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X phải trả nợ vay và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì bà đồng ý nhưng yêu cầu ông Trần Tấn Đ giải thích rõ nếu không bà không đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày: Trước đây gia đình ông có thống nhất cho ông Trần Tấn Đ thế chấp quyền sử dụng đất thửa 411, diện tích 8.360m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để bảo lãnh cho ông Trần Tấn Đ vay số tiền 100.000.000 đồng. Khoảng năm 2015, ông Trần Tấn Đ làm hồ sơ vay lại nhưng không ghi số tiền và gia đình ông cũng thống nhất ký thế chấp thửa đất nêu trên để bảo lãnh, riêng ông Trần Tấn K không có ký tên; đến nay ông mới biết ông Trần Tấn Đ vay số tiền 250.000.000 đồng. Nguồn gốc đất thế chấp là của ông nội ông để lại cho ông; các con là thành viên hộ gia đình, ở chung, lúc ông được cấp quyền sử dụng đất các con còn nhỏ, đang đi học, sống phụ thuộc; riêng đối với ông Trần Tấn K thì có cùng canh tác đất lúc sống chung, sau đó ông Trần Tấn K chuyển hộ khẩu về quê vợ sinh sống. Việc ông Trần Tấn K yêu cầu chia một phần diện tích thửa đất 411 ông cũng thống nhất vì lúc đó ông chưa lập thủ tục tách ra phần đất đã dự kiến cho ông Trần Tấn K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày: Bà không thừa nhận có ký tên thỏa thuận việc thế chấp tài sản hộ gia đình, không đồng ý việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tấn K trình bày: Ông là thành viên hộ gia đình của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị X; việc ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và gia đình ông có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích đất 8.360m², thửa 411, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Trần Tấn Đ vay tiền thì ông không biết; tại biên bản cuộc họp hộ gia đình vào ngày 11/4/2015 không có mặt ông và ông không có ký tên vào văn bản này. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của hộ ông Trần Văn B để trả nợ cho ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X, ông không đồng ý. Ông yêu cầu được chia tài sản chung của hộ gia đình, ông yêu cầu được hưởng 1/5 của diện tích đất 8.360m², thửa 411, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; phần còn lại thì mới giao cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2016, ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị X có cầm cố cho ông, bà phần đất diện tích 8.000m² thuộc thửa 411 với số tiền 413.500.000 đồng và 12,5 chỉ vàng 24kr. Tuy nhiên, ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này nếu có tranh chấp giải quyết sau.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 147, 149, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay còn nợ là 429.454.375 đồng (trong đó vốn 250.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/3/2020 là 179.454.375 đồng).

Kể từ ngày 07/3/2020 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng số 119/2015/HĐTD/1602-1557 ký ngày 10/4/2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm diện tích 8.360m², thửa số 411, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh của hộ ông Trần Văn B để đảm bảo thi hành án.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Tấn K về việc yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình là 1/5 quyền sử dụng đất diện tích 8.360m², thửa số 411, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Đối với ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị T cầm cố quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn B thửa đất 411, do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X số tiền phạt lãi là 11.554.624 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, ông Trần Tấn K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh theo hướng: Đưa Ủy ban nhân dân xã T vào tham gia tố tụng để làm rõ tính hợp pháp và giá trị pháp lý của biên bản họp gia đình; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cho Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất 8.360m², thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh trong trường hợp ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X không trả được nợ vay cho Ngân hàng; tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản số 119/2015/HĐTC-BĐS/1602-1557 ngày 10/4/2015 và tuyên vô hiệu biên bản họp hộ gia đình ngày 11/4/2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát Viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc hình thành thửa đất 411 cấp cho hộ ông Trần Văn B có từ đâu mà chỉ căn cứ vào lời khai của ông Trần Văn B là chưa thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn K cho rằng thửa đất 411 có nguồn gốc của ông Trần Văn B và bà Trương Thị N là vợ trước của ông Trần Văn B và cung cấp chứng cứ chứng minh là giấy chứng tử của bà Trương Thị N nên việc xác định hàng thừa kế của bà Trương Thị N và đưa họ vào tham gia tố tụng là cần thiết để giải quyết vụ án; ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn K tiếp tục có yêu cầu giám định do chưa giám định được có phải chữ ký của ông Trần Tấn K hay không. Từ đó, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Tấn K là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị X và bà Trần Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[2] Các đương sự đều thống nhất ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần K, để đảm bảo cho khoản vay này hộ ông Trần Văn B có thể chấp cho Ngân hàng phần đất diện tích 8.360m², thuộc thửa 411, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 119/2015/HĐTC-BDS/1602-1557 ngày 10/4/2015; về số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 119/2015/HĐTD/1602-1557 ngày 10/4/2015 là 250.000.000 đồng; từ khi vay cho đến nay ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X không có trả vốn và lãi cho Ngân hàng; từ đó, Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X trả cho Ngân hàng tổng số tiền 429.454.375 đồng (trong đó vốn 250.000.000 đồng, tiền lãi 179.454.375 đồng) là có căn cứ.

[3] Xét về nguồn gốc đất thửa 411, ông Trần Văn B cho rằng của ông bà để lại cho ông, ông kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Trần Tấn K cho rằng đây là tài sản của hộ gia đình và có yêu cầu chia tài sản chung thửa đất 411 cho ông được hưởng 1/5; tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc đất là tài sản của cá nhân, của vợ chồng hay của hộ gia đình, nếu là tài sản của hộ gia đình thì tại thời điểm cấp giấy thành viên hộ được cấp giấy gồm những thành viên nào để xem xét giải quyết, mà quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tấn K là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn K cung cấp chứng cứ là giấy chứng tử của bà Trương Thị N là vợ trước của ông Trần Văn B, bà Trương Thị N chết năm 1998, ông Trần Văn B và bà Trương Thị N có hai người con là ông Trần Tấn Đ và ông Trần Tấn K, còn bà Nguyễn Thị X là vợ sau của ông Trần Văn B; thửa đất 441 là tài sản ông bà để lại cho ông Trần Văn B và bà Trương Thị N; khi bà Trương Thị N chết thì phát sinh thừa kế đối với phần di sản của bà Trương Thị N, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ di sản thừa kế, hàng thừa kế của bà Trương Thị N, chưa đưa họ vào tham gia tố tụng để xem xét giải quyết; mà chấp nhận xử lý tài sản thế chấp đối với thửa 411 là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của đương sự.

[5] Ông Trần Tấn K khiếu nại cho rằng chữ ký trong biên bản họp hộ gia đình ngày 11/4/2015 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T không phải là chữ ký của ông; tại Kết luận giám định số 35/KLGĐ ngày 04/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh trả lời không đủ cơ sở kết luận chữ ký Trần Tấn K trong biên bản họp hộ gia đình ngày 11/4/2015 so với chữ ký của Trần Tấn K trên các tài liệu mẫu có phải do cùng một người ký ra hay không, chứ không khẳng định chữ ký trong biên bản họp hộ gia đình ngày 11/4/2015 là không phải của ông Trần Tấn K nhưng cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định cơ quan giám định cao hơn để giám định làm rõ, mà căn cứ vào kết luận giám định này nhận định ông Trần Tấn K không có ký tên vào biên bản họp hộ gia đình ngày 11/4/2015 là chưa đủ cơ sở.

[6] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục, nội dung vụ án, chưa xác minh làm rõ các vấn đề trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được; ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, hủy án sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Tấn K.

[7] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp tài sản chung” giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K, với bị đơn ông Trần Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc X.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho ông Trần Tấn K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007675 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Dừa